

Số: /HD-STC-NS

Ninh Bình, ngày tháng năm 2023

HƯỚNG DẪN

Một số điểm về xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2024 - 2026

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước; Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định chi tiết lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm; Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ Ban hành quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính ngân sách nhà nước 3 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hàng năm; Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 10/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước; Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm; Thông tư số 51/2023/TT-BTC ngày 17/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2024-2026 (Thông tư số 51/2023/TT-BTC);

Thực hiện Chỉ thị số 09/CT-UBND ngày 27/6/2023 của UBND tỉnh về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Để có đầy đủ cơ sở xây dựng, tổng hợp dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2024-2026 theo quy định, Sở Tài chính đề nghị các sở, ban, ngành, các đơn vị dự toán khối tỉnh, các đơn vị sử dụng ngân sách (sau đây gọi tắt là các cơ quan, đơn vị) và UBND các huyện, thành phố xây dựng dự toán ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2024, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2024 - 2026 theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 51/2023/TT-BTC; trong đó Sở Tài chính hướng dẫn một số nội dung, như sau:

A. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NSNN NĂM 2023.

Các cơ quan, đơn vị và UBND các huyện, thành phố căn cứ Thông tư số 51/2023/TT-BTC để thực hiện đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ NSNN năm 2023, trong đó:

I. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu NSNN năm 2023.

Thực hiện đúng quy định của Luật NSNN, quy định của pháp luật về thuế, phí, lệ phí và các văn bản chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh; không đánh giá vào

thu NSNN các khoản thu phí đã chuyển sang giá dịch vụ theo quy định của Luật Phí và lệ phí, các khoản được khấu trừ đối với cơ quan nhà nước hoặc khoản trích lại phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao thực hiện.

Căn cứ kết quả thu NSNN 8 tháng đầu năm, các cơ quan, đơn vị thực hiện rà soát, đánh giá yếu tố ảnh hưởng đến thu NSNN 8 tháng đầu năm và dự kiến khả năng thu NSNN 4 tháng cuối năm, trong đó làm rõ những thuận lợi, khó khăn, kiến nghị giải pháp hoàn thành cao nhất dự toán thu NSNN đã được HĐND tỉnh quyết định tại Nghị quyết số 93/NQ-HĐND và Nghị quyết số 94/NQ-HĐND ngày 09/12/2022, UBND tỉnh giao tại Quyết định số 1116/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 về giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2023. Khi đánh giá, cần tập trung vào một số nội dung chủ yếu sau:

1. Đánh giá, phân tích nguyên nhân tác động tăng, giảm thu NSNN năm 2022, như:

- Các yếu tố tác động đến hoạt động sản xuất - kinh doanh, dịch vụ và xuất nhập khẩu của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế trong từng lĩnh vực; sản lượng sản xuất và tiêu thụ, giá bán, lợi nhuận của các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ chủ yếu trên địa bàn; tác động của biến động nguyên nhiên vật liệu đầu vào, giá cả vật tư là đầu vào của sản xuất nông nghiệp và hàng hóa nông sản khác, biến động trên thị trường chứng khoán, thị trường bất động sản; các dự án đã hết thời gian ưu đãi thuế và khả năng triển khai các dự án đầu tư mở rộng, đầu tư mới.

- Tính toán cụ thể các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách pháp luật về thu; gia hạn thời hạn nộp các loại thuế theo các Nghị định của Chính phủ; thực hiện lộ trình cắt giảm thuế để thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế.

2. Công tác đôn đốc, thu hồi nợ đọng thuế trong 8 tháng đầu năm 2023; dự kiến kết quả thu hồi nợ đọng thuế trong các tháng cuối năm 2023 (so với chỉ tiêu, kế hoạch được giao - nếu có) và ước tổng số tiền thuế nợ đến ngày 31 tháng 12 năm 2023. Kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, cơ quan thanh tra, kiểm tra và quyết định truy thu của cơ quan thuế các cấp khi thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra chấp hành pháp luật thuế.

3. Tình hình hoàn thuế giá trị gia tăng và dự kiến số kinh phí hoàn thuế thực hiện trong năm 2023 trên cơ sở đúng chính sách chế độ và phù hợp với thực tế phát sinh; báo cáo cấp có thẩm quyền bổ sung nguồn kinh phí hoàn thuế (nếu có) để chi hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nộp thuế đầy đủ, kịp thời, chặt chẽ theo đúng quy định của pháp luật; công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế, xử lý thu hồi kịp thời tiền hoàn thuế giá trị gia tăng sai quy định; các kiến nghị (nếu có).

4. Đánh giá thực hiện hoàn trả các khoản thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa theo quy định của pháp luật (ngoài hoàn thuế giá trị gia tăng) theo các tiêu chí: số tiền hoàn trả, số bộ hồ sơ xem xét hoàn trả, số lần ra quyết định hoàn trả theo các quy định và những vướng mắc, khó khăn, kiến nghị giải pháp về cơ chế chính sách, công nghệ quản lý, tổ chức phối hợp trong quá trình triển khai, thực hiện (nếu có).

5. Tình hình thu ngân sách từ đất đai (thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất) theo pháp luật về đất đai và Nghị quyết 132/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội, Nghị định số 26/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ hướng dẫn Nghị quyết 132/2020/QH14 về thí điểm một số chính sách để tháo gỡ vướng mắc, tồn đọng trong quản lý, sử dụng đất quốc phòng, an ninh, kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế (Nghị quyết 132/2020/QH14).

6. Tình hình thu ngân sách từ xử lý, sắp xếp lại tài sản công theo các quy định của Luật quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn.

7. Tình hình thu phí và lệ phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí (đánh giá số thu phí, lệ phí theo quy định; số thu phí nộp NSNN); thu xử phạt vi phạm hành chính, thu phạt, tịch thu và các khoản nộp NSNN khác trong năm 2023 theo Luật Xử phạt vi phạm hành chính và các văn bản pháp luật có liên quan.

8. Kết quả phối hợp giữa các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương trong công tác quản lý, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về thu NSNN, bán đấu giá tài sản Nhà nước, đấu giá quyền sử dụng đất và tổ chức thực hiện thanh tra, kiểm tra, đôn đốc thu hồi nợ thuế, chống thất thu, chống chuyển giá; tồn tại, vướng mắc và giải pháp khắc phục.

9. Tình hình thực hiện thu viện trợ 8 tháng đầu năm 2023 và dự kiến cả năm 2023.

II. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu NSNN 03 năm 2021-2023

Trên cơ sở quyết toán năm 2021, thực hiện năm 2022 và ước thực hiện cả năm 2023, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu NSNN 03 năm 2021 - 2023 so với mục tiêu, kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 theo Nghị quyết của Quốc hội, Hội đồng nhân dân, chi tiết từng nguồn thu từ tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế, thu nội địa còn lại (ngoài tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết, thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế), thu từ hoạt động xuất nhập khẩu, thu viện trợ (nếu có) làm rõ kết quả đạt được, tồn tại hạn chế và nguyên nhân (khách quan, chủ quan); bài học kinh nghiệm; bối cảnh và kiến nghị giải pháp về cơ chế, chính sách, quản lý thu NSNN trong thời gian tới.

III. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi đầu tư phát triển năm 2023

1. Đánh giá việc triển khai và tổ chức thực hiện dự toán chi đầu tư phát triển năm 2023 (không bao gồm nhiệm vụ tín dụng, CTMTQG).

a) Đối với dự toán chi đầu tư xây dựng cơ bản năm 2023 (không bao gồm Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội).

- Tình hình phân bổ, giao, điều chỉnh, bổ sung dự toán chi đầu tư xây dựng cơ bản nguồn NSNN năm 2023, chi tiết theo lĩnh vực chi, gồm: Thời hạn phân bổ và giao kế hoạch cho chủ đầu tư; Kết quả bố trí dự toán để thu hồi vốn ngân sách ứng trước và thanh toán nợ xây dựng cơ bản phát sinh trước ngày 01/01/2015 thuộc nguồn NSNN; Việc điều chỉnh, bổ sung dự toán chi đầu tư xây dựng cơ bản năm 2023 (nếu có); Khó khăn, vướng mắc và kiến nghị điều chỉnh cơ chế, chính sách; kiến nghị trong tổ chức thực hiện.

- Tình hình thực hiện dự toán chi đầu tư xây dựng cơ bản chương trình, dự án nguồn NSNN năm 2023 (bao gồm cả chuyển nguồn từ các năm trước sang năm 2023 theo quy định), chi tiết theo từng lĩnh vực chi, gồm:

+ Các chương trình, dự án đầu tư công: Việc giải ngân vốn đến hết tháng 8 năm 2023, báo cáo dự kiến khả năng thực hiện đến hết 31/01/2024; chi tiết theo từng nguồn vốn (trong đó: đối với chi ĐTPT của NSDP đề nghị chi tiết nguồn vốn NSDP; vốn NSTW hỗ trợ có mục tiêu từ vốn ngoài nước, vốn trong nước); có biểu phụ lục chi tiết từng dự án, số liệu về tổng mức đầu tư được duyệt, vốn thanh toán lũy kế đến hết năm 2022, kế hoạch vốn năm 2023 - kể cả vốn bổ sung, điều chỉnh và ước thực hiện năm 2023, kèm theo thuyết minh.

+ Đánh giá tình hình xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản phát sinh trước ngày 01/01/2015 nguồn NSNN và thu hồi vốn ứng đến ngày 31/12/2022; ước số xử lý trong năm 2023; dự kiến số nợ xây dựng cơ bản, số ứng chưa có nguồn thu hồi đến ngày 31/12/2023 (Chi tiết từng dự án); đề xuất việc xử lý.

- Tình hình quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành, trong đó nêu rõ: số dự án đã được phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành và số vốn đầu tư công còn lại chưa được bố trí để thanh toán so với giá trị quyết toán dự án hoàn thành được cấp có thẩm quyền phê duyệt; số dự án sử dụng vốn đầu tư công đã hoàn thành nhưng chưa quyết toán theo quy định đến hết tháng 8 năm 2023, dự kiến đến hết năm 2023; nguyên nhân và giải pháp xử lý.

b) Đánh giá việc triển khai và tổ chức thực hiện dự toán chi ĐTPT theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội và Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ (không bao gồm nhiệm vụ tín dụng) theo từng chương trình, dự án, từng lĩnh vực chi.

- Tình hình phân bổ, giao, bổ sung dự toán (nếu có) và triển khai chi ĐTPT năm 2023 nguồn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (kể cả nguồn lấy lại từ số đã điều chuyển cho các nhiệm vụ trung hạn 2021-2025 trong năm 2022)

- Trên cơ sở dự kiến tình hình thực hiện năm 2023, đánh giá tổng thể tình hình thực hiện các nhiệm vụ đầu tư theo Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trong 02 năm 2022-2023, so với mục tiêu kế hoạch theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 và Nghị quyết số 11/NQ-CP; kết quả đạt được; tồn tại, nguyên nhân và kiến nghị giải pháp (nếu có)

c) Đánh giá việc thực hiện điều chỉnh giữa các nhiệm vụ, dự án sử dụng nguồn kế hoạch đầu tư công trung hạn và các nhiệm vụ, dự án sử dụng nguồn vốn từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trong quá trình triển khai kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2022, 2023; những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị (nếu có).

2. Đánh giá tình hình thực hiện năm 2023 về tổng nguồn lực và cơ cấu nguồn lực xã hội hóa đầu tư theo ngành, lĩnh vực; số lượng các cơ sở được đầu tư từ nguồn lực xã hội hóa; kết quả đạt được; tồn tại, nguyên nhân, kiến nghị (nếu có).

3. Đánh giá tình hình triển khai, thực hiện Văn bản số 607/UBND-VP5 ngày 15/8/2023 của UBND tỉnh về điều hành ngân sách nhà nước 05 tháng cuối năm 2023.

4. Đánh giá những tồn tại, khó khăn khi triển khai các quy định của pháp luật về đầu tư công, bao gồm cả những kiến nghị về cơ sở pháp lý trong bố trí thực hiện các nhiệm vụ chi ĐTPT.

5. Đánh giá tình hình thực hiện chi ĐTPT 03 năm 2021-2023

Trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện cả năm 2023, thực hiện đánh giá lũy kế tình hình kết quả triển khai 03 năm 2021- 2023 so với mục tiêu, kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025; trong đó, cần làm rõ:

a) Đối với nhiệm vụ chi ĐTPT hằng năm (không bao gồm nhiệm vụ thực hiện theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 và Nghị quyết số 11/NQ-CP)

- Lũy kế số chi ĐTPT kế hoạch và thực hiện 03 năm 2021-2023 so với kế hoạch trung hạn được cấp thẩm quyền giao giai đoạn 2021-2025, trong đó chi tiết nguồn cân đối NSDP, nguồn NSTW bổ sung có mục tiêu, cụ thể nguồn vốn ngoài nước (bao gồm cả nguồn vốn vay và vốn viện trợ không hoàn lại), vốn trong nước - nếu có.

- Số dự án có nợ xây dựng cơ bản đã tổng hợp, bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, tình hình bố trí vốn 03 năm 2021 - 2023 để xử lý nợ xây dựng cơ bản, dự kiến bố trí số còn lại các năm 2024-2025. Số dự án đã được thực hiện còn nợ xây dựng cơ bản nhưng chưa báo cáo tổng hợp trong kế hoạch trung hạn, số phát sinh (nếu có), đề xuất biện pháp xử lý nợ xây dựng cơ bản các dự án trên.

- Lũy kế số vốn ứng trước đã tổng hợp trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, tình hình bố trí vốn 03 năm 2021-2023 để thu hồi vốn ứng, dự kiến bố trí số còn lại để thu hồi các năm 2024-2025. Số vốn ứng trước phát sinh đến nay chưa được tổng hợp trong kế hoạch đầu tư công trung hạn (nếu có), đề xuất biện pháp xử lý.

- Lũy kế việc thực hiện kế hoạch nhiệm vụ chi hỗ trợ phát triển 03 năm 2021 - 2023 so với kế hoạch giai đoạn 2021-2025 được cấp thẩm quyền giao, chi tiết từng chương trình, chính sách hỗ trợ; khó khăn, kiến nghị nếu có.

b) Tình hình thực hiện các cơ chế, chính sách xã hội hóa 03 năm 2021-2023 so với kế hoạch giai đoạn 2021-2025 được giao (chi tiết tổng nguồn lực, cơ cấu nguồn lực xã hội hóa theo ngành, lĩnh vực; số lượng các cơ sở được đầu tư từ nguồn lực xã hội hóa theo ngành, lĩnh vực; kết quả đạt được; tồn tại, nguyên nhân và giải pháp khắc phục).

IV. Đối với nhiệm vụ chi thường xuyên năm 2023 và 03 năm 2021 - 2023

1. Đối với nhiệm vụ chi thường xuyên năm 2023

a) Đánh giá tình hình triển khai phân bổ, giao dự toán và thực hiện dự toán NSNN 8 tháng đầu năm, dự kiến khả năng thực hiện cả năm 2023 chi tiết theo từng lĩnh vực chi được giao.

b) Kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, các chương trình, dự án lớn

trong 8 tháng đầu năm, dự kiến cả năm 2023; những khó khăn, vướng mắc và đề xuất biện pháp xử lý về cơ chế, chính sách trong tổ chức thực hiện, cụ thể:

- Đối với các nhiệm vụ, chế độ, chính sách: Đánh giá tổng thể toàn bộ các nhiệm vụ, chế độ, chính sách đang thực hiện trong năm 2023 (bao gồm các chế độ, chính sách theo do Trung ương, địa phương ban hành; các nhiệm vụ được giao thực hiện theo chủ trương của Tỉnh ủy, Nghị quyết HĐND tỉnh, Quyết định, Kế hoạch, Đề án của UBND tỉnh); rà soát, xác định các nhiệm vụ, chế độ, chính sách kết thúc hoặc hết hiệu lực; kiến nghị bổ sung, sửa đổi các nhiệm vụ, chính sách, chế độ không còn phù hợp với thực tế.

- Tình hình tinh giản biên chế, đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy: Kết quả đạt được trong 7 tháng đầu năm, ước cả năm 2023 và đánh giá lũy kế việc triển khai tình hình tinh giản biên chế, đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy, chi tiết theo từng mục tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII (Nghị quyết số 18-NQ/TW), Kết luận số 28-KL/TW ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (Kết luận số 28-KL/TW), Kết luận số 40-KL/TW ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026 (Kết luận số 40-KL/TW) và các văn bản liên quan của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Thực hiện đổi mới khu vực sự nghiệp công lập: Kết quả sắp xếp, đổi mới hệ thống, quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong 7 tháng đầu năm, ước cả năm 2023 theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII (Nghị quyết số 19-NQ/TW), Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công (Nghị định số 60/2021/NĐ-CP) và các văn bản hướng dẫn.

c) Đánh giá tình hình triển khai, thực hiện Văn bản số 607/UBND-VP5 ngày 15/8/2023 của UBND tỉnh về điều hành ngân sách nhà nước 05 tháng cuối năm 2023.

2. Đối với nhiệm vụ chi thường xuyên 03 năm 2021 - 2023

a) Trên cơ sở quyết toán năm 2021, thực hiện cả năm 2022 và ước thực hiện cả năm 2023, đánh giá lũy kế tình hình thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên NSNN 03 năm 2021-2023 so với mục tiêu, kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 theo Nghị quyết của Quốc hội, Hội đồng nhân dân, tập trung vào các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể theo phê duyệt thực hiện trong giai đoạn, trong nhiều năm; kết quả đạt được, tồn tại, nguyên nhân và kiến nghị, giải pháp khắc phục (nếu có).

b) Đánh giá lũy kế việc triển khai tình hình tinh giản biên chế, đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy; kết quả sắp xếp, đổi mới hệ thống, quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong 03 năm 2021-2023 so với mục tiêu đề ra tại Nghị quyết, Kết luận của Trung ương và các văn bản pháp luật có liên quan; những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị.

V. Đánh giá tình hình thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia và chương trình, dự án, đề án khác năm 2023 và 03 năm 2021-2023

Đánh giá tình hình thực hiện 03 chương trình MTQG năm 2023 và 03 năm 2021-2023 (bao gồm Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi). Trong đó:

- Tổng mức kinh phí cho Chương trình theo phê duyệt của cấp thẩm quyền; kế hoạch đầu tư trung hạn 2021-2025 đối với từng CTMTQG (cụ thể nguồn NSTW, NSDP; nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác; nguồn vốn vay, nguồn vốn huy động khác - nếu có), theo từng lĩnh vực chi (nếu có);

- Đánh giá tình hình bố trí, phân bổ và sử dụng năm 2023 và giai đoạn 2021-2023 đối với từng CTMTQG; tiến độ giải ngân, khả năng thực hiện năm 2023, chi tiết các dự án, nội dung thành phần, chi tiết đối với từng nguồn NSTW, NSDP; nguồn vốn ĐTPT, chi thường xuyên; nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác; nguồn vốn vay, nguồn vốn huy động khác - nếu có), theo từng lĩnh vực chi (nếu có).

- Những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc và kiến nghị (nếu có).

VI. Đánh giá tình hình thực hiện tạo nguồn cải cách tiền lương năm 2023

Các cơ quan, đơn vị và UBND các huyện, thành phố đánh giá tình hình thực hiện tạo nguồn cải cách tiền lương năm 2023 theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 51/2023/TT-BTC và Hướng dẫn số 2047/HD-STC-NS ngày 26/7/2023 của Sở Tài chính.

VII. Tình hình thực hiện các chính sách an sinh xã hội

Các cơ quan, đơn vị báo cáo tình hình thực hiện các chính sách an sinh xã hội do Trung ương và địa phương ban hành, chi tiết theo số đối tượng hưởng (căn cứ đối tượng thực hiện 8 tháng đầu năm 2023 để rà soát, xác định số đối tượng ước thực hiện năm 2023), mức hỗ trợ, thời gian hưởng đối với từng chế độ, chính sách theo quy định để xác định nhu cầu kinh phí NSNN hỗ trợ, trong đó lưu ý các chính sách có mức hỗ trợ tính theo mức lương cơ sở (6 tháng đầu năm 2023 là 1,49 triệu đồng/tháng và mức 1,8 triệu đồng/tháng từ ngày 01/7/2023)

(Chi tiết theo các biểu đính kèm)

VIII. Đối với các nhiệm vụ sử dụng nguồn vốn nước ngoài

1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương đánh giá tình hình phân bổ, giao, thực hiện dự toán chi năm 2023, việc điều chỉnh, bổ sung năm 2023 (nếu có) theo Hiệp định, thỏa thuận đã ký kết, chi tiết theo từng nguồn vốn (vốn ODA không hoàn lại, vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi, vốn viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức); cơ chế tài chính, những khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị (nếu có).

2. Đánh giá kết quả giải ngân vốn nước ngoài, so sánh với dự toán được giao, vướng mắc về thủ tục giải ngân vốn ODA (nếu có); khó khăn, vướng mắc, đề xuất giải pháp triển khai.

3. Trên cơ sở ước thực hiện dự toán chi năm 2023, đánh giá việc thực hiện 03 năm 2021-2023 so với mục tiêu, kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 được giao (nếu có) hoặc kế hoạch thực hiện giai đoạn 2021-2025 theo Hiệp định hoặc thỏa thuận đã ký kết; những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị.

IX. Đánh giá thực hiện nhiệm vụ NSNN năm 2023 của UBND các huyện, thành phố.

Ngoài các yêu cầu chung nêu trên, UBND các huyện, thành phố tập trung đánh giá thêm một số nội dung sau:

1. Đánh giá công tác huy động các nguồn lực tài chính ở địa phương để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, những khó khăn, vướng mắc và đề xuất kiến nghị (nếu có).

2. Khả năng cân đối NSDP cấp huyện so với dự toán, các giải pháp, biện pháp điều hành ngân sách đã và sẽ thực hiện để đảm bảo cân đối NSDP cấp huyện, đảm bảo dự toán chi ngân sách huyện, thành phố đã được cấp có thẩm quyền quyết định trong điều kiện dự báo khả năng thu NSDP cấp huyện không đạt mức dự toán giao trong năm 2023 (nếu có).

3. Báo cáo cụ thể việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chi tiết việc điều chỉnh kế hoạch nguồn cân đối NSDP (cụ thể nguồn tiền sử dụng đất, nguồn thu từ xổ số kiến thiết, nguồn bổ sung có mục tiêu,...).

4. Báo cáo cụ thể việc bố trí ngân sách (bao gồm cả số ngân sách cấp tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện) và sử dụng dự phòng ngân sách cấp huyện để thực hiện nhiệm vụ an ninh, quốc phòng; phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh. Tình hình sử dụng dự phòng ngân sách đến hết ngày 31/8/2023, số dự kiến sử dụng trong những tháng cuối năm 2023.

5. Tình hình phân bổ, giao dự toán chi NSNN từ nguồn thu tiền sử dụng đất để đầu tư các dự án, công trình của địa phương; thực hiện đo đạc, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

6. Tình hình thu, chi từ nguồn thu xổ số kiến thiết; việc sử dụng số thu từ hoạt động xổ số kiến thiết đầu tư các công trình phúc lợi xã hội quan trọng trên địa bàn trong năm 2023.

7. Tình hình thực hiện các kiến nghị của cơ quan Kiểm toán nhà nước, cơ quan Thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực tài chính - NSNN.

8. Đánh giá tình hình triển khai, thực hiện Văn bản số 607/UBND-VP5 ngày 15/8/2023 của UBND tỉnh về điều hành ngân sách nhà nước 05 tháng cuối năm 2023.

X. Đánh giá kế hoạch tài chính của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách năm 2023

Các cơ quan, đơn vị được giao quản lý quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách báo cáo việc rà soát, cơ cấu lại, sáp nhập, dừng hoạt động hoặc giải thể các quỹ hoạt động không hiệu quả, không đúng mục đích, trùng lặp về mục tiêu, nhiệm vụ, đối tượng phục vụ hoặc không có khả năng độc lập về tài chính, trùng lặp

nguồn thu, nhiệm vụ chi với NSNN; đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch thu - chi và các nhiệm vụ được giao 8 tháng và dự kiến cả năm 2023; các khó khăn, vướng mắc phát sinh và kiến nghị giải pháp xử lý.

XI. Đối với nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập được để lại không đưa vào cân đối NSNN

Để có cơ sở xây dựng dự toán NSNN năm 2024 và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2024 - 2026, các cơ quan, đơn vị và UBND các huyện, thành phố:

1. Đánh giá các khoản thu phí được để lại theo quy định của pháp luật đối với các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ bố trí từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập được để lại không đưa vào cân đối NSNN trong năm 2023, chi tiết nhiệm vụ chi đầu tư phát triển theo quy định (chi tiết nguồn phí và nguồn thu sự nghiệp được để lại, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, nguồn vay và nguồn hợp pháp khác của đơn vị), nhiệm vụ chi thường xuyên và theo từng lĩnh vực chi.

B. XÂY DỰNG DỰ TOÁN NSNN NĂM 2024 VÀ KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NSNN 03 NĂM GIAI ĐOẠN 2024 - 2026.

I. Mục tiêu, yêu cầu xây dựng dự toán NSNN năm 2024.

1. Việc xây dựng dự toán NSNN năm 2024 phải được thực hiện theo đúng quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn thi hành; phù hợp với các chỉ tiêu, mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra tại Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XXII, nhiệm kỳ 2020 - 2025; bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021 - 2025 và phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

2. Các cơ quan, đơn vị trên cơ sở đánh giá thực hiện năm 2023, các cơ quan, đơn vị xác định nhiệm vụ trọng tâm thực hiện trong năm 2024, chủ động sắp xếp các khoản chi và thứ tự ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, dự án, đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo mức độ cấp thiết, quan trọng và khả năng triển khai thực hiện năm 2024, phù hợp với khả năng nguồn lực (bao gồm cả nguồn hợp pháp khác theo quy định); triệt để tiết kiệm, chống lãng phí ngay từ khâu lập dự toán, đảm bảo việc thực hiện các nhiệm vụ thống nhất từ khâu lập dự toán đến triển khai phân bổ, quản lý, sử dụng NSNN.

3. Các cơ quan, đơn vị tiếp tục rà soát tổng thể các chế độ, chính sách (nhất là các chính sách an sinh xã hội) để trình cấp có thẩm quyền bãi bỏ, lồng ghép các chính sách chồng chéo, trùng lặp, kém hiệu quả; chỉ trình cấp có thẩm quyền ban hành chính sách mới khi cân đối được nguồn, không tham mưu ban hành chính sách làm tăng chi ngân sách tỉnh trong năm 2023; chủ động dự kiến đầy đủ nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ, nhiệm vụ mới đã được cấp có thẩm quyền quyết định.

4. Tập trung xử lý, giải quyết ngay từ khâu xây dựng dự toán những tồn tại trong quản lý tài chính ngân sách đã được cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán kiến nghị theo đúng quy định của pháp luật.

II. Một số nội dung chủ yếu xây dựng dự toán NSNN năm 2024.

1. Dự toán thu NSNN năm 2024

Trên cơ sở đánh giá thực hiện năm 2023, dự toán thu NSNN năm 2024 phải được xây dựng theo quy định của Luật NSNN, Luật Quản lý thuế và các Luật về thuế, phí, lệ phí và các văn bản pháp luật có liên quan, đảm bảo thu đúng, thu đủ các nguồn thu của NSNN.

Xây dựng dự toán thu NSNN năm 2024 cần bám sát tình hình kinh tế - xã hội, tài chính trong và ngoài nước, tính toán cụ thể các yếu tố tăng, giảm và dịch chuyển nguồn thu do thay đổi chính sách pháp luật về thu, quản lý thu, nhất là các chính sách miễn, giảm thuế, phí, lệ phí và gia hạn thời gian nộp thuế, tiền thuê đất hết hiệu lực năm 2023.

Xây dựng dự toán thu phải gắn với việc quyết liệt thực hiện các biện pháp cải cách hành chính, hiện đại hóa công tác quản lý thu; tăng cường công tác quản lý thu, chống thất thu; quản lý có hiệu quả các nguồn thu mới phát sinh trong điều kiện phát triển kinh tế số, giao dịch điện tử; đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra thuế, chống chuyển giá, trốn thuế, gian lận thuế, quyết liệt xử lý nợ đọng thuế và kiểm soát chặt chẽ hoàn thuế. Trong đó, lưu ý một số nội dung sau:

1.1. Đối với dự toán thu nội địa

- Bên cạnh các mục tiêu, yêu cầu nêu trên, tổng hợp đầy đủ các khoản thu phát sinh trên địa bàn và loại trừ các khoản không thuộc nguồn thu cân đối NSNN theo quy định; đánh giá đầy đủ các yếu tố đặc thù năm 2024 và số kiểm tra dự toán thu năm 2024 được cơ quan có thẩm quyền thông báo; xây dựng trên cơ sở các quy định điều chỉnh chính sách theo lộ trình tiếp tục ảnh hưởng đến số thu NSNN năm 2024 và các quy định dự kiến sẽ được sửa đổi, bổ sung, áp dụng năm 2024.

- Dự toán thu NSNN năm 2024 phải được xây dựng trên cơ sở hệ thống dữ liệu thông tin về đất đai, đối tượng nộp thuế; đảm bảo tính đúng, đủ từng khoản thu, sắc thuế, lĩnh vực thu đối với từng địa bàn, chi tiết số thu từ các dự án mới đi vào hoạt động có số thu lớn theo các quy định hiện hành về thuế, phí, lệ phí và thu khác NSNN; chi tiết theo từng khoản thu phí, lệ phí theo quy định.

- Toàn bộ số thu từ sắp xếp lại nhà đất, xử lý tài sản công, thu từ cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng; thu NSNN từ giao quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý theo phương thức không tính thành vốn Nhà nước tại doanh nghiệp và số thu từ khai thác quỹ đất, mặt nước (sau khi trừ chi phí có liên quan) phải được lập dự toán đầy đủ và thực hiện nộp NSNN theo đúng quy định của pháp luật.

- Đối với khoản thu không tổng hợp vào dự toán thu NSNN của các cơ quan, đơn vị (thu phí, thu dịch vụ sự nghiệp công, học phí, giá dịch vụ y tế, các khoản thu hợp pháp khác được để lại cho cơ quan, đơn vị sử dụng theo quy định) các cơ quan, đơn vị phải lập dự toán riêng, thuyết minh cơ sở tính toán và xây dựng phương án sử dụng gửi cơ quan quản lý cấp trên, báo cáo cơ quan tài chính theo quy định.

1.2. Đối với dự toán thu viện trợ không hoàn lại

Việc xây dựng dự toán thu NSNN năm 2024 đối với nguồn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài cần căn cứ và bám sát vào tình hình thực hiện dự toán NSNN năm 2023; văn kiện của Chương trình, dự án, phi dự án hoặc khoản viện trợ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; các văn bản về cam kết viện trợ, thư viện trợ hoặc văn bản về ý định viện trợ của nhà tài trợ; tiến độ triển khai thực tế, khả năng phát sinh và thực hiện mới trong năm. Quá trình xây dựng dự toán thu NSNN đối với vốn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài cần xác định tính chất chi đầu tư và chi thường xuyên, lĩnh vực chi.

1.3. Đối với dự toán thu của các huyện, thành phố, trên cơ sở Nghị quyết số 94/2021/NQ-HĐND ngày 27/9/2021 và Nghị quyết số 80/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh để xác định số thu ngân sách huyện, thành phố được hưởng theo phân cấp.

2. Dự toán chi ngân sách năm 2024

Khi xây dựng dự toán chi NSNN năm 2024, các cơ quan, đơn vị và UBND các huyện, thành phố thực hiện theo đúng quy định tại Luật NSNN, Luật Đầu tư công, các Luật có liên quan; các quy định của pháp luật về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ĐTPT, chi thường xuyên NSNN; đáp ứng yêu cầu cơ cấu lại ngân sách, chủ trương sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế trong hệ thống chính trị, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động khu vực sự nghiệp công lập theo các quy định của Trung ương và địa phương; tập trung nguồn lực thực hiện cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội; quán triệt nguyên tắc công khai, minh bạch và yêu cầu thực hành tiết kiệm chống lãng phí. Trên cơ sở đánh giá ước thực hiện năm 2023, các cơ quan, đơn vị rà soát các nhiệm vụ chi dở dang, nhiệm vụ giãn, hoãn năm 2023 để đề xuất thực hiện sang năm 2024; sắp xếp thứ tự ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ phát sinh mới đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo mức độ cấp thiết, quan trọng và khả năng huy động, cân đối nguồn lực (bao gồm cả nguồn hợp pháp khác theo quy định). Trong đó lưu ý một số nội dung sau:

2.1. Đối với dự toán chi ngân sách địa phương

2.1.1. Xây dựng dự toán chi đầu tư phát triển:

- Chi đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước (bao gồm cả nguồn vốn vay ODA, vốn viện trợ, nguồn thu xổ số kiến thiết, nguồn thu tiền sử dụng đất) phải phù hợp các mục tiêu, định hướng phát triển Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025; phục vụ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Việc bố trí vốn tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 93/2021/NQ-HĐND ngày 27/9/2021 của HĐND tỉnh về ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021 - 2025; trong đó, tập trung cân đối cho các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ kết nối vùng, liên vùng, có sức lan toả, mở rộng không gian, tạo dư địa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, tạo đột phá thu hút nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước. Bố trí kinh phí để thanh toán đầy đủ, kịp thời các khoản nợ vay của NSDP; Bố trí chi ĐTPT từ

nguồn thu tiền sử dụng đất, trong đó ưu tiên để đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới.

- Tiếp tục sử dụng toàn bộ nguồn thu từ xổ số kiến thiết cho ĐTP, trong đó ưu tiên cho lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề và lĩnh vực y tế, phần còn lại ưu tiên bố trí thực hiện các nhiệm vụ chi ĐTP quan trọng, cấp bách thuộc đối tượng đầu tư của NSDP, Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới.

- Kế hoạch đầu tư công vốn NSNN năm 2024 cho các nhiệm vụ, dự án phải phù hợp với khả năng thực hiện và giải ngân của từng dự án, bảo đảm có thể phân bổ, giao chi tiết cho dự án trước ngày 31/12/2023; khắc phục tình trạng chậm phân bổ, giao kế hoạch chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án.

- Việc cấp vốn điều lệ cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách thực hiện theo quy định tại Điều 41, Điều 42 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ.

2.1.2. Xây dựng dự toán chi thường xuyên:

a) Trên cơ sở Luật NSNN, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn, các văn bản pháp luật có liên quan, các văn bản chỉ đạo của Trung ương và địa phương; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương tỉnh Ninh Bình tại Nghị quyết số 113/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021, Nghị quyết số 95/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của HĐND tỉnh và chính sách, chế độ, định mức chi NSNN theo quy định; các đề án, nhiệm vụ theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền, các cơ quan, đơn vị xây dựng dự toán chi thường xuyên chi tiết theo từng lĩnh vực chi, đảm bảo đáp ứng các nhiệm vụ chính trị quan trọng, thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ do Trung ương và địa phương ban hành, nhất là các chính sách chi cho con người, chi an sinh xã hội, chi cho người dân.

b) Dự toán chi mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản phải căn cứ quy định về tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định hiện hành; kinh phí sửa chữa, bảo trì cơ sở vật chất theo quy định tại Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29/7/2021 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công.

c) Dự toán chi hoạt động năm 2023 nguồn NSNN của các đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng trên cơ sở các mục tiêu về đổi mới đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 (Khóa XII), Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ, Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính, Nghị quyết số 113/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 và Nghị quyết số 95/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của HĐND tỉnh. Trong đó, không xây dựng dự toán chi thường xuyên NSNN hỗ trợ cho các dịch vụ sự nghiệp công đã hoàn thành lộ trình giá, phí từ năm 2023 trở về trước hoặc dự kiến hoàn thành trong năm 2024. Các đơn vị nhóm 3 (trừ đơn vị sự nghiệp công cung cấp dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu, không có nguồn thu sự nghiệp) thực hiện giảm tối thiểu 2,5% chi hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước.

d) Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể, thuyết minh rõ các nội dung sau:

- Số biên chế năm 2024 (tạm xây dựng bằng số biên chế được cấp có thẩm quyền giao năm 2023; riêng đối tượng hợp đồng lao động thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ được xác định theo Nghị quyết số 95/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của HĐND tỉnh), trong đó làm rõ số biên chế thực có mặt đến thời điểm lập dự toán, số biên chế chưa tuyển theo chỉ tiêu biên chế được giao.

- Xác định quỹ lương ngạch bậc, các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo chế độ quy định theo mức lương cơ sở 1.800.000 đồng/tháng (tính đủ 12 tháng) do NSNN đảm bảo, bao gồm: (i) Quỹ tiền lương của số biên chế được giao năm 2024 được xác định như trên, bao gồm quỹ lương của số biên chế thực tế có mặt tính đến thời điểm lập dự toán, được xác định trên cơ sở mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ; các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo chế độ và quỹ lương của số biên chế chưa tuyển (nhưng vẫn trong tổng định biên biên chế được giao), tính trên cơ sở lương 1.800.000 đồng/tháng và hệ số lương bậc 1 của công chức loại A1, các khoản phụ cấp theo lương cùng các khoản đóng góp theo quy định; (ii) Giảm quỹ tiền lương gắn với tinh giản biên chế.

- Thuyết minh cơ sở xây dựng dự toán các khoản chi đặc thù (cơ sở pháp lý, nội dung chi, mức chi,...) năm 2024 trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả.

- Lập dự toán kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng, hoàn thiện pháp luật, tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi thi hành pháp luật theo quy định; ưu tiên bố trí trong phạm vi dự toán được giao để đảm bảo thực hiện công tác này.

- Các cơ quan nhà nước nộp toàn bộ số tiền phí thu được từ các hoạt động dịch vụ vào ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Chương II Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí; Lập dự toán kinh phí trang trải cho việc thẩm định và thu phí để báo cáo cấp có thẩm quyền bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước của tổ chức thu phí theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

đ) Các cơ quan, đơn vị thực hiện tổng hợp vào dự toán ngân sách các nhiệm vụ chi thường xuyên liên quan tới xử lý tài sản công, sắp xếp, xử lý nhà đất, chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định (nếu có). Đối với kinh phí chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Nghị định số 148/2021/NĐ-CP tổng hợp vào dự toán chi các hoạt động kinh tế của NSNN.

e) Đối với chi thường xuyên các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn ODA (bao gồm vốn vay và vốn viện trợ), nguồn vốn vay ưu đãi và viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức: Căn cứ các Hiệp định, thỏa thuận đã và sẽ ký với nhà tài trợ (đối với các Hiệp định sẽ ký, chỉ bao gồm nguồn viện trợ), tiến độ thực hiện văn kiện dự án hoặc khoản viện trợ, cơ chế tài chính (nếu có) được cấp có thẩm quyền phê duyệt, các cơ quan, đơn vị thực hiện lập dự toán từng chương trình, dự án, Hiệp định, vốn đối ứng (nếu có), chi tiết theo từng

nguồn vốn vay, vốn viện trợ nước ngoài, theo lĩnh vực chi, cơ chế giải ngân (thực hiện ghi thu, ghi chi hoặc giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước).

g) Đối với các tổ chức chính trị, xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp:

- Trường hợp được cấp có thẩm quyền giao biên chế: Thực hiện khoán kinh phí theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao trên cơ sở vận dụng nguyên tắc bố trí chi thường xuyên NSNN lĩnh vực quản lý nhà nước và thực hiện hỗ trợ cho các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao.

- Đối với các hội quần chúng khác bảo đảm nguyên tắc tự nguyện, tự quản, tự bảo đảm kinh phí, hoạt động theo điều lệ và tuân thủ pháp luật: NSNN chỉ hỗ trợ kinh phí cho các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao.

h) Đối với các nhiệm vụ chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia: Trên cơ sở phê duyệt của cấp có thẩm quyền và văn bản hướng dẫn của cơ quan chức năng, khả năng triển khai thực hiện năm 2023, dự kiến lộ trình thực hiện trong cả giai đoạn 2021 - 2025, các cơ quan, đơn vị được giao chủ quản các chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng dự toán chi ngân sách năm 2024 của từng chương trình, đảm bảo phù hợp với khả năng cân đối NSNN năm 2024 và tuân thủ các quy định của pháp luật về NSNN.

i) Lập dự toán tạo nguồn cải cách tiền lương.

Năm 2024, các cơ quan, đơn vị, UBND các huyện, thành phố tiếp tục thực hiện chính sách tạo nguồn cải cách tiền lương kết hợp triệt để tiết kiệm chi gắn với sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao mức độ tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Nghị quyết số 27-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 7 (Khóa XII) và Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

k) Lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo quy định tại Kết luận số 28-KL/TW, Kết luận số 40-KL/TW của Bộ Chính trị, Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ và Văn bản số 387/UBND-VP7 ngày 31/7/2023 của UBND tỉnh.

l) Dự toán nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội do Trung ương và địa phương ban hành chi tiết theo số đối tượng hưởng, mức hỗ trợ, thời gian hưởng đối với từng chế độ, chính sách theo quy định để xác định nhu cầu kinh phí NSNN hỗ trợ, trong đó lưu ý các chính sách có mức hỗ trợ tính theo mức lương cơ sở 1,8 triệu đồng/tháng.

(Chi tiết theo các biểu đính kèm)

m) Dự toán nhu cầu kinh phí thực hiện nguồn kinh phí bổ sung có mục tiêu sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề từ ngân sách tỉnh cho ngân sách huyện, thành phố: Đề nghị UBND các huyện, thành phố căn cứ vào tình hình thực tế của các trường học trên địa bàn, rà soát, xác định nhiệm vụ chi thực sự cần thiết để lập dự toán chi năm 2024 gửi Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp gửi Sở Tài chính báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định phân bổ dự toán ngân sách theo quy định (trường hợp cần thiết xây dựng nghị quyết, đề án, chương trình, kế hoạch,...

để trình cấp thẩm quyền quyết định theo quy định, đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì tham mưu).

n) Xây dựng kế hoạch tài chính của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách: Thực hiện theo quy định tại Điều 20 Thông tư số 51/2023/TT-BTC.

2.1.3. Đối với kinh phí thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2023 - 2025 theo Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 23/8/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Kế hoạch số 139-KH/TU ngày 23/8/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch số 131/KH-UBND ngày 25/8/2023 của UBND tỉnh: Các cơ quan, đơn vị, UBND các huyện, thành phố lập dự toán kinh phí thực hiện năm 2024 gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư (đối với kinh phí chi đầu tư xây dựng cơ bản), Sở Tài chính (đối với kinh phí chi thường xuyên) để thẩm định, báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định phân bổ dự toán ngân sách theo quy định.

2.2. Đối với dự toán chi ngân sách cấp tỉnh

Ngoài những nội dung yêu cầu tại Mục 2.1.1 và 2.1.2 nói trên, khi xây dựng dự toán chi ngân sách cấp tỉnh, cần lưu ý thêm những nội dung sau:

a) Đối với các đơn vị dự toán của tỉnh được UBND tỉnh giao chủ trì thực hiện các chủ trương của Tỉnh ủy, Nghị quyết của HĐND tỉnh, chương trình, đề án, kế hoạch, quyết định, ... của UBND tỉnh; kinh phí thực hiện các đề tài khoa học công nghệ, kinh phí đào tạo, chính sách phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn khuyến công, xúc tiến thương mại; các chương trình mục tiêu, đề nghị các cơ quan, đơn vị khẩn trương triển khai thực hiện các nội dung:

- Đối với các nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt chương trình, đề án, kế hoạch, nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ kinh phí: Các cơ quan, đơn vị căn cứ quy định đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt để xây dựng dự toán kinh phí, trong đó thuyết minh rõ khối lượng, nội dung công việc, tiến độ triển khai, cơ sở tính toán, cam kết huy động các nguồn lực ngoài ngân sách; đồng thời xây dựng phương án phân bổ các nhiệm vụ chi tiết đến các cơ quan đơn vị sử dụng ngân sách gửi Sở Tài chính để thống nhất báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định phân bổ dự toán ngân sách theo quy định.

- Đối với các nhiệm vụ chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt chương trình đề án, kế hoạch, nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ kinh phí: Các cơ quan, đơn vị khẩn trương phối hợp với các sở, ngành liên quan xây dựng chương trình, đề án, kế hoạch, nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ kinh phí¹ báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

- Đối với kinh phí thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền điện tử: Trên cơ sở nội dung làm việc với Kiểm toán nhà nước khu vực XI, Sở Tài chính đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông là đơn vị được giao chủ trì thực hiện, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan sớm tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ kinh phí cho cả giai đoạn (trong đó xác định rõ các nhiệm vụ thực hiện từ

¹ Đồng thời gửi Sở Tài chính nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2024 của các cơ quan, đơn vị.

nguồn vốn đầu tư công, các nhiệm vụ thực hiện từ nguồn vốn chi thường xuyên) để có đầy đủ căn cứ pháp lý phân bổ dự toán ngân sách ngay từ đầu năm cho các cơ quan, đơn vị.

b) Đối với các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh là cơ quan thường trực của các Ban chỉ đạo, Ban công tác cấp tỉnh như: Ban chỉ đạo Vệ sinh An toàn thực phẩm, Ban chỉ đạo phòng chống tội phạm, ma túy, mại dâm; Ban Chỉ đạo chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả; Ban chỉ đạo Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa... căn cứ các quy định hiện hành để xây dựng dự toán kinh phí đảm bảo hoạt động của các Ban chỉ đạo, Ban công tác và tổng hợp chung vào dự toán ngân sách của cả cơ quan, đơn vị mình để báo cáo theo quy định.

c) Đối với các cơ quan, đơn vị được giao quản lý quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách lập kế hoạch đầu tư công cấp vốn điều lệ/hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính.

d) Về hỗ trợ kinh phí từ NSNN cho các Hội trên địa bàn tỉnh (ngoài kinh phí ngân sách cấp theo số biên chế được giao và chế độ thù lao của chức danh lãnh đạo chuyên trách Hội đặc thù) thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Thông tư số 01/2011/TT-BTC ngày 06/01/2011 của Bộ Tài chính quy định việc hỗ trợ kinh phí từ NSNN cho hội có hoạt động gắn với nhiệm vụ nhà nước giao; việc quản lý sử dụng tài sản, tài chính của hội và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế; quản lý việc tiếp nhận, sử dụng các nguồn tài trợ của cá nhân, tổ chức nước ngoài cho hội.

Đối với các hội không có tính chất đặc thù cấp tỉnh thực hiện theo Hướng dẫn tại mục 1 Văn bản số 2081/STC-HCSN ngày 30/9/2019 của Sở Tài chính về việc hỗ trợ kinh phí cho các hội không có tính chất đặc thù cấp tỉnh và gửi đầy đủ hồ sơ theo trình tự thủ tục quy định về Sở Tài chính để thẩm định kinh phí, báo cáo UBND tỉnh, đảm bảo công tác xây dựng dự toán NSNN năm 2024 hoàn thành đúng tiến độ.

đ) Xây dựng dự toán chi trả nợ lãi, phí và chi phí khác: Theo quy định Luật NSNN năm 2015 và quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 51/2023/TT-BTC.

e) Bội chi/bội thu, kế hoạch vay, trả nợ gốc của NSDP: Theo quy định Luật NSNN năm 2015 và các văn bản hướng dẫn.

g) Đối với kinh phí thực hiện hoạt động đối ngoại hàng năm của các cơ quan, đơn vị khối tỉnh thực hiện theo quy định tại Hướng dẫn số 05-HD/BĐBTW ngày 26/3/2019 của Ban Đối ngoại Trung ương và Văn bản số 2137/STC-HCSN ngày 07/10/2019 của Sở Tài chính.

2.3. Đối với dự toán chi ngân sách các huyện, thành phố

Trong phạm vi nguồn thu ngân sách cấp huyện được xác định (bao gồm số thu ngân sách huyện, thành phố được hưởng theo phân cấp và số trợ cấp bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh cho ngân sách cấp huyện), căn cứ nhiệm vụ chính trị và dự kiến kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024, UBND các huyện, thành phố xây dựng dự toán chi ngân sách cấp huyện cụ thể đối với từng lĩnh vực chi theo quy định của

Luật NSNN năm 2015, ưu tiên bố trí chi ngân sách cho một số lĩnh vực quan trọng theo các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội; đảm bảo bố trí đủ dự toán nhu cầu kinh phí thực hiện các dự án, nhiệm vụ đã cam kết, chế độ chính sách đã ban hành; đảm bảo định mức phân bổ NSDP đối với các nhiệm vụ chi quan trọng (lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề) không thấp hơn mức HĐND tỉnh giao.

UBND các huyện, thành phố khi xây dựng dự toán chi ngoài những yêu cầu chung trong xây dựng dự toán chi ngân sách toàn tỉnh, cần lưu ý thêm những nội dung sau:

a) Đối với dự toán chi ĐTPT trong cân đối NSDP: Căn cứ quy định của Luật Đầu tư công, đánh giá thực hiện năm 2023; khả năng nguồn lực; địa phương giải trình cụ thể dự toán chi ĐTPT năm 2024, chi tiết nguồn cân đối NSDP (gồm chi đầu tư từ nguồn sử dụng đất, xổ số kiến thiết,...).

b) Dự toán chi bổ sung có mục tiêu kinh phí sự nghiệp từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách cấp huyện: Căn cứ vào chế độ, chính sách đã được cấp thẩm quyền quyết định để bảo đảm thực hiện các chế độ, chính sách trong năm 2024.

c) Xây dựng dự toán chi ngân sách năm 2024, UBND các huyện, thành phố chủ động cân đối các nguồn theo quy định để thực hiện chi cải cách tiền lương.

d) Căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương, UBND các huyện, thành phố tổng hợp nhu cầu kinh phí chi cho công tác duy tu, bảo dưỡng và xử lý sự cố cấp bách đề điều theo quy định của Luật NSNN, Thông tư số 68/2020/TT-BTC ngày 15/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính (*trong đó chi tiết tên công trình, khối lượng và nhu cầu kinh phí theo từng tuyến đê*), gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra, thẩm định dự toán kinh phí để gửi Sở Tài chính tổng hợp báo cáo theo quy định.

e) Đối với kinh phí thực hiện Đề án đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính, hoàn thiện hồ sơ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính tỉnh Ninh Bình được ban hành kèm theo Quyết định số 769/QĐ-UBND ngày 06/9/2022, các huyện, thành phố bố trí kinh phí từ nguồn thu đấu giá quyền sử dụng đất tại địa phương và các nguồn kinh phí khác để thực hiện Đề án. Trong trường hợp có khó khăn về kinh phí thực hiện, UBND các huyện, thành phố đề xuất nhu cầu kinh phí còn thiếu trong dự toán NSNN năm 2024 của các huyện, thành phố gửi Sở Tài chính.

g) Đối với kinh phí hỗ trợ phát triển đất trồng lúa theo quy định tại Nghị quyết số 32/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh, UBND các huyện, thành phố rà soát báo cáo diện tích đất trồng lúa gửi Sở Tài chính để làm cơ sở tham mưu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh dự toán năm 2024 để hỗ trợ đầu tư, xây dựng, duy tu, bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn cấp xã, ưu tiên đầu tư hệ thống giao thông, thủy lợi trên đất trồng lúa.

2.4. Bố trí dự phòng NSNN: NSDP các cấp bố trí dự phòng ngân sách theo đúng quy định của Luật NSNN năm 2015 để chủ động ứng phó với thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh và thực hiện những nhiệm vụ quan trọng, cấp bách phát sinh ngoài dự toán.

2.5. Dự toán chi từ nguồn thu được để lại theo chế độ: Các cơ quan, đơn vị và UBND các huyện, thành phố thực hiện lập dự toán chi từ nguồn thu được để

lại báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính, nhưng không tổng hợp vào dự toán chi NSNN.

III. Xây dựng kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm giai đoạn 2024 - 2026

Trên cơ sở các văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XXII, nhiệm kỳ 2020-2025; Các Nghị quyết số 18-NQ/TW, 19-NQ/TW, 27-NQ/TW, 28-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6,7 (khóa XII) về tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, đổi mới các đơn vị sự nghiệp công lập, cải cách tiền lương, bảo hiểm xã hội và các Chương trình, Kế hoạch của Tỉnh ủy, UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện các Nghị quyết nêu trên; Căn cứ quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn cùng với việc cập nhật, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2023 - 2025, các cơ quan, đơn vị thực hiện lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2024 - 2026 thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Thông tư số 51/2023/TT-BTC. Trong đó, dự toán chi thường xuyên giai đoạn 2024 - 2026 xây dựng với mức lương cơ sở 1.800.000 đồng/tháng, sau khi cấp có thẩm quyền quyết định phương án thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW của Hội nghị lần thứ 7 Ban chấp hành Trung ương khóa XII, Sở Tài chính sẽ thông báo, hướng dẫn sau.

Trên cơ sở ước thực hiện 03 năm 2021 - 2023, dự toán năm 2024 và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2024 - 2026, các cơ quan, đơn vị đánh giá thực hiện Kế hoạch 05 năm giai đoạn 2021-2025, xác định những thuận lợi, khó khăn và kiến nghị, đề xuất (nếu có).

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.

1. Các đơn vị dự toán cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mình, xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm giai đoạn 2024 - 2026 của ngành, lĩnh vực mình phụ trách theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước 2015, các văn bản hướng dẫn và những nội dung hướng dẫn của văn bản này gửi báo cáo về Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế tỉnh **trước ngày 15/9/2023** để tổng hợp chung toàn tỉnh (*Nếu quá thời hạn trên, các cơ quan, đơn vị và UBND các huyện, thành phố không có báo cáo hoặc báo cáo chưa đầy đủ theo đúng biểu mẫu quy định coi như không có nhu cầu kinh phí thực hiện*).

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan dự kiến phân bổ chi đầu tư phát triển thuộc nguồn ngân sách nhà nước, kinh phí thực hiện CTMTQG cho các đơn vị dự toán cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố.

3. Năm 2024 là năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định ngân sách 2023 - 2025, do đó khi có nhu cầu thảo luận dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024, UBND các huyện, thành phố có văn bản đăng ký thảo luận dự toán gửi về Sở Tài chính (đối với dự toán chi ngân sách nhà nước) và Cục Thuế tỉnh (đối với dự toán thu ngân sách nhà nước) **trước ngày 09/9/2023**.

Sở Tài chính tổ chức buổi làm việc, thảo luận dự toán đối với các đơn vị dự toán cấp tỉnh (*lich thảo luận cụ thể sẽ có thông báo sau*).

4. Về biểu, mẫu xây dựng dự toán NSNN năm 2024 và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2024 - 2026

4.1. Đối với dự toán NSNN năm 2024

Các cơ quan, đơn vị và UBND các huyện, thành phố báo cáo số liệu theo các biểu mẫu quy định tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP và các mẫu biểu ban hành kèm theo Hướng dẫn này.

4.2. Đối với Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2024 - 2026

Các Sở, ban, ngành, đơn vị dự toán cấp I ở cấp tỉnh báo cáo số liệu theo các biểu mẫu quy định tại Công văn số 446/UBND-VP5 ngày 01/8/2017 của UBND tỉnh.

Sau khi làm việc và thống nhất số liệu với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế tỉnh, các đơn vị triển khai ngay công tác lập phương án phân bổ dự toán ngân sách năm 2024 để đảm bảo khi nhận quyết định dự toán ngân sách UBND tỉnh giao, các đơn vị chủ động hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định phân bổ và giao dự toán ngân sách đến đơn vị sử dụng ngân sách hoàn thành trước ngày 31/12/2023 theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước 2015.

Trên đây là hướng dẫn một số nội dung về xây dựng dự toán NSNN năm 2024, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm giai đoạn 2024 - 2026; Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có những vướng mắc phát sinh đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Tài chính để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh, UBND tỉnh (để b/c);
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- Các đơn vị sử dụng ngân sách tỉnh;
- Cục Thuế tỉnh; Cục Hải quan Hà Nam Ninh;
- BHXH tỉnh;
- Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Phòng TC-KH các huyện, thành phố;
- Giám đốc, các Đ/c Phó Giám đốc Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- <http://sotaichinh.ninhbinh.gov.vn>
- Lưu: VT, NS. PT.

GIÁM ĐỐC

Hoàng Văn Kiên